

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

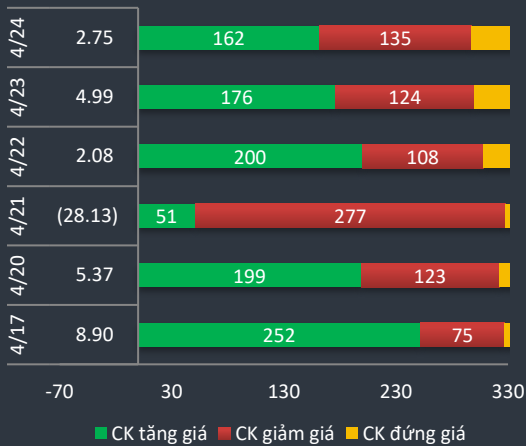
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.3**

Tin Doanh nghiệp **P.4**

Bộ lọc CP **P.5**

### Độ rộng thị trường



### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

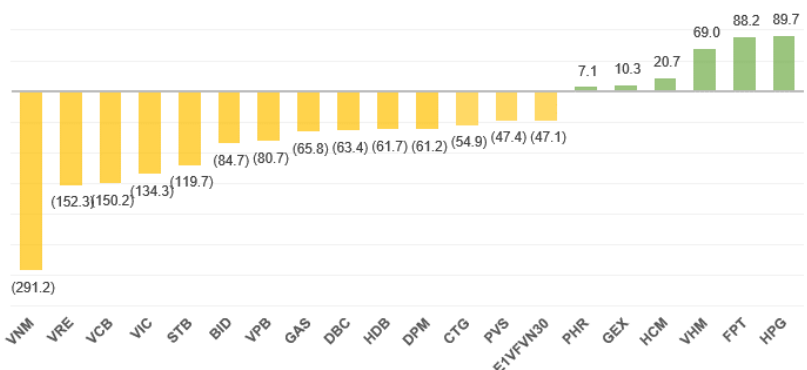
HPG	27.4
HCM	7.8
POW	4.7
PLX	4.3
NT2	2.8
VHM	1.9
PPC	1.8
CTD	1.5
VIC	(10.5)
GAS	(14.5)
PVS	(16.0)
PVD	(16.0)
VPI	(17.7)
VPB	(19.9)
STB	(22.7)
VRE	(23.8)
HDB	(32.0)
VCB	(37.0)
CRE	(39.0)
VNM	(97.0)

Chỉ số Vnindex ngược dòng thành công phiên cuối tuần với sự đồng thuận chung của cả nhóm blue chip lẫn mid cap. Số cổ phiếu tăng 165 nhỉnh hơn một chút so với số mã giảm 135 nhưng cũng đang thu hẹp dần. Thanh khoản chung chưa bằng đợt cao điểm nhưng cũng tăng khá so với hai phiên trước đó đạt khoảng 3,800 tỷ nhờ giao dịch đột biến từ nhóm cổ phiếu lớn VNM, HPG, HSG.

VNM nổi bật nhất trong phiên sau khi thông tin dự tính mua lại 17,5 triệu cổ phiếu quỹ. CTD trong ngày cũng tăng trần và trở lại vùng giá 60. Nhóm cổ phiếu điện NT2, PPC tăng tốt và trong nhóm số ít cổ phiếu có khối ngoại mua ròng. Riêng cổ phiếu dầu khí đã hạ nhiệt trở lại sau khi giá dầu tiếp tục biến động thất thường trong tuần qua cũng như chưa có tín hiệu gì chắc chắn đã chạm đáy.

Khối ngoại bán ròng 385 tỷ trong ngày và tính chung cả tuần đã bán ròng 1,735 tỷ đồng, nhiều hơn 30% so với tuần trước đó. Quan sát trong nhóm cổ phiếu bán ròng nhiều nhất của khối ngoại ngoài nhóm Vingroup cộng thêm VNM, GAS thì hầu hết là nhóm ngân hàng với nhiều bank lớn như VCB, BID, CTG, VPB, STB, HDB. Cho đến thời điểm này có thể xem đây là một trong những giai đoạn bán ròng mạnh nhất nhưng thị trường vẫn đứng vững nhờ dòng tiền lớn trong nước hấp thụ hầu hết lượng CP khối ngoại bán ra.

### Khối ngoại mua bán trong tuần



# Vnindex 776.66

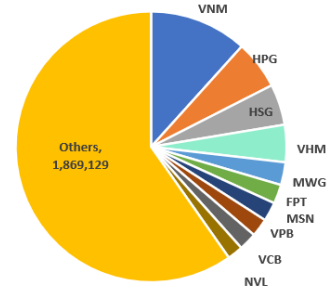
▲ +2.75 (+0.36%)

## Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VNM	102.8	6,700	6.97
BSR	6.1	200	3.39
VPB	20.5	600	3.02
HPG	22.1	500	2.31
MSN	59.5	1,300	2.23
PLX	41.4	650	1.60
MCH	67.5	900	1.35
VGI	26.2	300	1.16
TCB	17.1	150	0.88
NVL	53.0	400	0.76
POW	9.6	50	0.53
GAS	65.1	-	-
SHB	16.4	-	-
VIC	93.0	-	-
TPB	17.7	-	-
FPT	51.0	-	-
CTG	19.2	-	-
ACB	20.3	-	-
EIB	15.3	-	-
HDB	20.6	-	-
SAB	180.0	(600)	(0.33)
VRE	24.0	(100)	(0.41)
VCB	68.9	(300)	(0.43)
BID	36.0	(200)	(0.55)
MWG	83.0	(500)	(0.60)
MBB	16.1	(100)	(0.62)
BVH	47.0	(300)	(0.63)
VEA	33.8	(300)	(0.88)
VJC	115.2	(1,200)	(1.03)
GVR	10.0	(140)	(1.39)
HVN	27.4	(450)	(1.62)
ACV	59.3	(1,100)	(1.82)
VHM	65.0	(1,600)	(2.40)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Thị trường có phiên tăng điểm phiên thứ 3 liên tiếp với tổng cộng gần 10 điểm. Chỉ số index đang tiệm cận với mốc 780 ngắn hạn với xu hướng đường giá đang tích lũy theo xu hướng tịnh tiến đi lên. Có hai dấu hiệu cảnh báo đó là thanh khoản đang giảm cho thấy dòng tiền đầu cơ đang thoát ra thị trường và yếu tố thứ hai là mức độ lạc quan của nhà đầu tư đang nguội dần và chỉ số hầu như được đẩy lên nhờ vào một vài cổ phiếu blue chip đơn lẻ như VNM, SAB.

Theo một kịch bản lạc quan nhất, chỉ số Vnindex có thể dao động từ 700 – 850 từ nay đến cuối năm và như vậy xu hướng chung của Vnindex sẽ theo kiểu dzic dzac đi ngang trên đường EMA 50. Nhà đầu tư có thể lướt sóng dựa trên các tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn theo tuần. Hiện tại nhóm cổ phiếu vật liệu xây dựng, bất động sản khu công nghiệp, điện, khí như CTD, HPG, HSG, D2D, PHR, POW, VNM, MSN đang tạo các đợt sóng ngắn.

### Tin vĩ mô: tình hình đầu tư FDI

Trong 4 tháng đầu năm, cả nước có 984 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tổng vốn đăng ký đạt 6.78 tỷ USD, giảm 9.1% về số dự án và tăng 26.9% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2019 (riêng dự án Nhà máy điện khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) Bạc Liêu có tổng vốn đầu tư 4 tỷ USD, chiếm 59% tổng vốn đăng ký mới).

Bên cạnh các dự án đăng ký mới, có 335 lượt dự án đăng ký điều chỉnh với tổng vốn tăng thêm đạt trên 3.07 tỷ USD, tăng 45.6% so với cùng kỳ năm 2019.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vốn điều chỉnh tăng đột biến sau khi giảm liên tục trong 3 tháng đầu năm 2020 do có Dự án tổ hợp hoá dầu Miền Nam Việt Nam tại Bà Rịa - Vũng Tàu điều chỉnh tăng vốn đầu tư thêm 1.38 tỷ USD. Tuy nhiên số lượt dự án điều chỉnh vốn trong 4 tháng đầu năm vẫn giảm 5.2% so với cùng kỳ.

Ngoài ra, còn có 3,210 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị gần 2.48 tỷ USD, tăng 32.9% số lượt góp vốn, mua cổ phần và bằng 34.7% so với cùng kỳ năm 2019.

TP. Hồ Chí Minh là nơi dẫn đầu trong thu hút dòng vốn từ các nhà đầu tư ngoại với 369 dự án, Hà Nội đứng thứ hai với 223 dự án, Bắc Ninh đứng thứ ba với 65 dự án. Các dự án đầu tư chủ yếu vào các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, điện, bán lẻ.

(kinhtechungkhoan.vn)

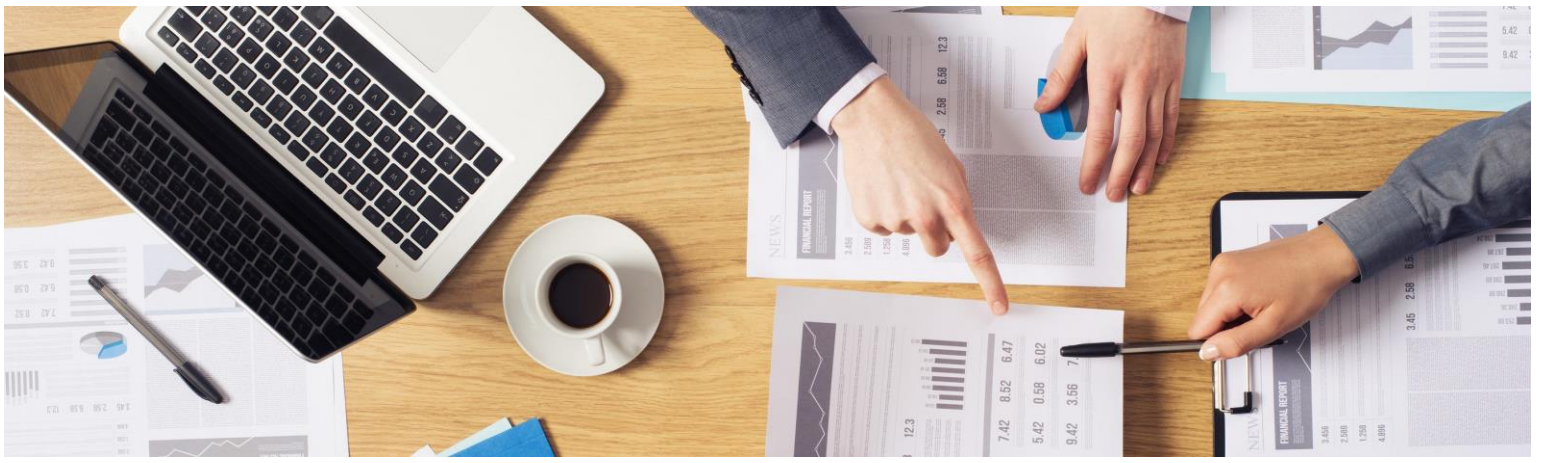


## Các tín hiệu phân tích kỹ thuật: Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng mua	Close / Support
CTD	60.6	(1.80)	54	69	Mua quanh 55-58	12.2%
AAA	12.8	8.00	10.5	15	Mua quanh 11. Mục tiêu 15	21.9%
PHR	43.1	(2.70)	38	50	Mua quanh 38-42. Mục tiêu 50-60	13.4%
D2D	52.4	(5.40)	42	65	Mua quanh 48-50	24.8%
POW	9.6	5.60	8	11	Mua dần tích lũy quanh 8-9	20.0%
VCB	68.9	(3.50)	60	80	Mua quanh 60 - 65. Mục tiêu 80	14.8%
FPT	51.0	(0.40)	40	60	Mua quanh 40-45	27.5%
VNM	102.8	3.50	90	120	Mua quanh 95-100. Mục tiêu 120	14.2%
TLG	30.9	(1.70)	26	40	Mua quanh 28-30. Mục tiêu 40	18.8%
HPG	22.1	6.80	18	25	Mua quanh 20-22. Nắm giữ	22.8%

## Cổ phiếu đang dò đáy:

Ticker	Close	% 1D	% tuần trước	Tăng so với Đáy	So với đỉnh 1Y	Vol 3T	RSI	StochK
VND	10.9	(1.80)	(11.00)	0.00	(32.60)	627,699	37.5	31.6
CTI	19.3	0.00	(1.00)	1.00	(24.60)	157,963	33.6	35.3
NVL	53	0.76	0.60	3.90	(17.20)	593,676	61.5	66.7
VCG	25.1	0.00	0.00	4.10	(10.00)	140,913	58.7	77.8
BOT	54.3	0.00	(0.70)	4.40	(5.60)	28,516	33.8	12.2
EIB	15.3	0.00	0.70	4.40	(18.80)	370,493	42.7	59.7
HNG	12.8	0.79	0.40	4.90	(32.60)	287,271	52.1	66.7
CRE	15.6	1.96	(3.70)	5.40	(39.80)	175,496	42.6	29.4
CII	19.1	(1.04)	(5.50)	5.80	(26.70)	805,415	45.2	33.7
GEG	20.3	0.00	(1.00)	6.00	(30.20)	322,182	44.5	64.4
IBC	20.4	0.00	(6.00)	6.20	(8.10)	119,325	32.4	52.5
VPI	41.5	0.24	(0.20)	7.10	(2.50)	475,458	50.3	70.5
MBS	9.1	0.00	(2.20)	8.30	(36.10)	73,370	42.8	50
PDR	25.1	0.00	0.20	9.10	(6.90)	452,289	46.9	82.1
TPB	17.7	0.00	(4.30)	9.30	(30.60)	281,282	43.3	41.2
DIG	11.5	2.68	(0.40)	11.10	(23.80)	1,631,666	52	58.8
CTG	19.2	0.00	(4.50)	11.60	(30.80)	6,798,263	43.4	39.2
VNG	13.4	0.75	4.70	11.70	(40.40)	256,626	46.2	91.6
KDH	20.5	0.00	(1.90)	12.00	(24.60)	376,003	49.6	60.3
REE	30.6	3.73	(1.30)	12.10	(19.00)	697,124	54.1	38.9
VIB	14.4	(1.37)	(2.00)	13.40	(23.40)	1,218,327	46.4	29.3



## Thống kê nhóm cổ phiếu lớn:

Ticker	Close	Vol 3T	RSI	StochK	Tăng so với Đáy 1Y	Giá so với đỉnh 1Y	Low 52W	High 52W	EPS	BV	PE	P/Bv
SHB	16.4	13,325,317	62.8	50.5	234.7%	-8.9%	4.9	18	2,043	15,551	8.03	1.05
SAB	180	82,210	70.7	66.7	55.8%	-36.2%	115.5	282.1	7,880	31,306	22.84	5.75
HVN	27.4	1,344,848	69.1	61.3	53.9%	-37.7%	17.8	44	1,645	13,106	16.66	2.09
BVH	47	569,046	53.2	63.7	45.5%	-45.9%	32.3	86.8	1,551	26,678	30.30	1.76
MWG	83	1,581,627	56	73.9	40.9%	-35.2%	58.9	128	8,660	27,431	9.58	3.03
HPG	22.1	8,212,714	65.6	78.6	36.4%	-16.0%	16.2	26.3	3,023	17,307	7.31	1.28
VRE	24	2,715,748	49.8	26.3	35.6%	-36.0%	17.7	37.5	1,224	11,860	19.61	2.02
VIC	93	999,885	48.6	47	30.1%	-26.2%	71.5	126.1	2,280	35,802	40.79	2.60
FPT	51	2,194,323	58.4	68.1	26.2%	-16.4%	40.4	61	4,796	24,768	10.63	2.06
VNM	102.8	1,612,219	59.7	45.7	22.8%	-22.9%	83.7	133.4	6,076	17,073	16.92	6.02
MSN	59.5	2,253,185	62.6	54.8	21.4%	-34.8%	49	91.3	4,765	44,389	12.49	1.34
GAS	65.1	752,578	49.4	44.6	20.8%	-41.8%	53.9	111.9	6,219	25,923	10.47	2.51
PLX	41.4	847,283	52.1	39.9	20.7%	-34.0%	34.3	62.7	3,617	21,800	11.45	1.90
VPB	20.5	4,195,443	49.2	40.4	20.6%	-28.8%	17	28.8	3,373	17,315	6.08	1.18
GVR	10	844,215	47.7	26.5	20.5%	-39.8%	8.3	16.6	831	12,689	12.03	0.79
VCB	68.9	1,411,179	45.8	30.5	20.5%	-27.1%	57.2	94.5	4,996	21,808	13.79	3.16
VJC	115.2	348,126	58.8	58.9	20.3%	-22.3%	95.8	148.2	7,881	29,236	14.62	3.94
BID	36	1,271,531	46.4	60.3	19.6%	-35.1%	30.1	55.5	2,379	19,307	15.13	1.86
HDB	20.6	1,726,045	45.9	50.9	19.1%	-31.3%	17.3	30	3,675	19,442	5.61	1.06
VHM	65	944,318	44.9	17.3	18.6%	-34.7%	54.8	99.5	6,366	19,686	10.21	3.30
MBB	16.1	6,984,099	47.3	44.7	18.4%	-31.5%	13.6	23.5	3,596	17,150	4.48	0.94
TCB	17.1	2,463,655	45.6	43.1	14.8%	-31.9%	14.9	25.1	2,967	17,734	5.76	0.96
ACB	20.3	5,004,432	47.4	51.9	14.0%	-23.7%	17.8	26.6	4,335	16,761	4.68	1.21
CTG	19.2	6,798,263	43.4	39.2	11.6%	-30.9%	17.2	27.8	2,541	20,775	7.56	0.92
NVL	53	593,676	61.5	66.7	3.9%	-17.2%	51	64	3,682	25,230	14.39	2.10

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Top tăng giá HOSE

CMX	6.87
CLG	6.88
CTD	6.88
HSG	6.92
PPC	6.93
FRT	6.94
HAG	6.96
NAV	6.97
VNM	6.97
HAI	6.97
HMC	6.97
QCG	6.97

## Top tăng giá HNX

DGC	4.25
TCS	5.26
DST	5.56
KLF	5.56
SDA	5.88
TTH	5.88
DNY	6.25
VAT	6.67
ITQ	8.70
MAC	10.00
ONE	10.00
ASA	11.11
KVC	14.29
BII	14.29
HVA	14.29
HKB	16.67
DPS	50.00
SGO	100.00

**GAS** - Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Đã công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1/2020 không mấy khả quan do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 và giá dầu liên tục đi xuống. GAS ghi nhận doanh thu gần 17,094 tỷ đồng và lãi ròng 2.333 tỷ đồng, lần lượt giảm 8% và 23% so cùng kỳ.

**NLG** - Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long - Công bố kết quả kinh doanh quý I/2020 với doanh thu 416,2 tỷ đồng, tăng trưởng 25,3% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt gần 117 tỷ đồng, giảm 34,2 tỷ đồng so với cùng kỳ.

**HSG** - CTCP Tập đoàn Hoa Sen – Đã công bố ước kết quả kinh doanh hợp nhất quý II niên độ tài chính (NĐTC) 2019 - 2020 (từ 30/9/2019 đến 30/9/2020) với sản lượng tiêu thụ ước đạt 338.674 nghìn tấn, doanh thu ước đạt 5.780 tỷ đồng, giảm nhẹ lần lượt 8,6% và 16,3% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, lợi nhuận sau thuế hợp nhất ước đạt 200 tỷ đồng, tăng mạnh 277% so với cùng kỳ.

**PDR** - CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt - Trong quý 1/2020, doanh thu thuần của PDR đạt 629 tỷ đồng giảm 63% so với cùng kỳ. Trong khi đó, các khoản chi phí kỳ này đều tăng như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Kết quả, lãi ròng của PDR tăng nhẹ 3% so với cùng kỳ, chỉ đạt 158 tỷ đồng.

**SCS** - CTCP Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn – Doanh thu thuần trong kỳ đạt 183,7 tỷ đồng tăng 6,4% so với cùng kỳ trong khi giá vốn chỉ tăng thêm 2,5% nên lợi nhuận gộp đạt 146 tỷ đồng tăng 7% so với quý 1/2019. Không phát sinh chi phí tài chính và chi phí bán hàng nên sau khi trừ chi phí QLDN SCS lãi ròng gần 130 tỷ đồng tăng 8,5% so với quý 1/2019.

**CAV** - CTCP Dây cáp điện Việt Nam - Ngày 04/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 05/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 25%, thanh toán bắt đầu từ ngày 20/5/2020.

**BMP** - CTCP Nhựa Bình Minh - Ngày 05/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2019, ngày đăng ký cuối cùng là 06/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 20/5/2020.

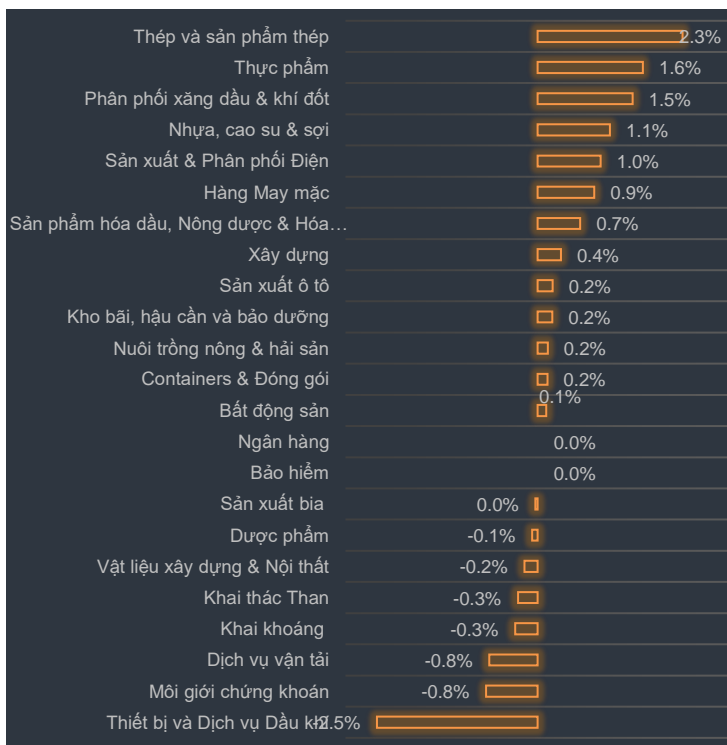
**NTP** - CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong - Đã công bố báo cáo tài chính quý I/2020 với doanh thu giảm nhẹ 4% so với cùng kỳ năm 2019 xuống còn 960 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 75,6 tỷ đồng tăng gần 6%.



Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng Q1/2020	+/- Cùng kỳ(%)	EPS Lũy kế 4 quý	P/E Hiện tại
2	3	4	5	6	7
DDG	HNX	0.58	(72.7)	1,068	26.4
CRE	HOSE	43.25	(45.4)	4,356	3.5
CTF	HOSE	0.50	(98.0)	279	78.1
GKM	HNX	1.45	317.9	295	57.6
NAP	HNX	2.69	115.6	459	28.5
TTL	HNX	1.07	641.1	449	14.5
CDN	HNX	56.10	36.9	2,021	8.9
SZB	HNX	20.94	5.3	3,254	9.2
HUB	HOSE	10.66	(7.6)	4,155	3.8
SII	HOSE	(9.06)	(190.7)	423	47.2
BCF	HNX	24.24	209.1	4,653	11.8
L14	HNX	7.72	(51.9)	4,122	13.8
DSN	HOSE	4.43	(77.5)	6,621	6.6
TDW	HOSE	10.58	82.5	2,921	8.0
SZC	HOSE	53.66	189.8	1,706	9.7
WCS	HNX	15.76	(6.2)	27,013	5.8
PDN	HOSE	31.22	(7.9)	8,077	7.7
LIX	HOSE	64.08	66.5	6,308	8.4
HGM	HNX	1.78	(61.1)	291	123.7
TV3	HNX	1.24	69.9	2,121	10.8
NNC	HOSE	21.25	(19.4)	5,370	8.4
D2D	HOSE	48.71	24.4	21,864	2.5
BTP	HOSE	28.30	20,622.0	3,872	4.1
BSI	HOSE	(60.73)	(277.1)	155	52.3
PSI	HNX	0.08	(99.3)	117	17.9
ART	HNX	(38.04)	(1,023.6)	409	5.6
BTW	HNX	20.80	104.0	4,660	10.5
NET	HNX	32.16	108.1	4,377	11.2
GDW	HNX	4.75	(38.6)	1,518	25.9
IVS	HNX	6.46	267.7	(1,023)	(7.7)
APG	HOSE	2.51	13.1	855	10.8
DBC	HOSE	348.72	1,638.7	7,004	3.5
VCS	HNX	304.29	17.2	9,197	6.6
VC3	HNX	0.33	(97.1)	1,141	14.6
TNG	HNX	33.59	(10.0)	3,748	3.2
UIC	HOSE	15.51	27.7	7,862	5.0
VMC	HNX	0.87	(85.0)	633	15.3
SC5	HOSE	5.25	(55.4)	1,819	10.1
BVS	HNX	(22.70)	(177.3)	1,143	7.8

VDS	HOSE	(88.37)	(517.9)	(748)	(7.9)
SJD	HOSE	13.92	(28.1)	2,149	7.7
FMC	HOSE	40.31	(1.4)	5,213	4.1
ABT	HOSE	0.71	(93.6)	3,362	10.5
DHA	HOSE	16.43	(1.5)	4,596	7.2
SSC	HOSE	3.48	(83.8)	4,193	12.7
AAV	HNX	3.78	(39.8)	854	6.0
CAG	HNX	0.62	(27.3)	271	317.0
TDM	HOSE	30.53	(14.7)	2,148	8.8
S4A	HOSE	1.94	(77.8)	2,541	10.4
SKG	HOSE	5.49	(80.8)	1,414	6.5
PVB	HNX	48.70	504.0	4,692	3.0
MCF	HNX	3.04	47.6	1,040	8.7
PIC	HNX	2.39	(77.5)	316	27.2
BAX	HNX	4.90	(88.1)	5,955	6.6
PGD	HOSE	49.71	15.2	2,670	11.8
EVS	HNX	(11.30)	(292.5)	(151)	(53.6)
CCI	HOSE	8.46	182.1	1,999	6.9
FTS	HOSE	(97.23)	(194.4)	119	93.3
PPC	HOSE	135.18	(44.3)	3,618	6.6
STC	HNX	0.54	(66.0)	2,545	5.6
TNC	HOSE	24.77	1,633.5	3,190	4.9
HJS	HNX	10.78	49.3	2,501	9.6
GTA	HOSE	4.68	(0.5)	1,859	6.1
VTB	HOSE	3.75	10.3	1,227	8.1
SMC	HOSE	10.21	(71.1)	1,302	8.8
CLC	HOSE	25.25	(18.3)	5,147	5.2
CAN	HNX	3.71	1,216.1	3,609	5.9
AGR	HOSE	13.03	(28.9)	297	9.3
CNG	HOSE	13.53	5.8	3,142	6.8
SBA	HOSE	6.12	(77.2)	1,282	10.9
VTJ	HNX	(0.53)	(108.9)	614	10.1
DHT	HNX	31.38	32.8	4,506	10.9
IMP	HOSE	41.11	13.2	3,385	15.4
HRC	HOSE	0.83	34.6	263	131.9
SMB	HOSE	19.11	(53.9)	6,187	4.8
PHR	HOSE	137.97	31.6	3,755	11.3
PGT	HNX	6.32	1,807.2	(576)	(8.5)
VHL	HNX	23.27	(11.1)	4,981	4.5
BRC	HOSE	4.49	1.3	1,572	7.1
AAM	HOSE	0.67	(78.9)	565	20.2
TRC	HOSE	20.31	416.0	3,325	7.7
SAF	HNX	12.13	2.3	5,338	11.1
HAX	HOSE	5.45	17.1	1,437	7.0
DPC	HNX	0.52	(36.7)	2,429	3.7
DRL	HOSE	12.16	(35.2)	5,164	10.0
TET	HNX	0.98	(71.3)	763	39.6
HVG	HOSE	(254.00)	(1,502.4)	(2,779)	(2.1)
HSG	HOSE	181.11	198.6	1,157	5.6
SJ1	HNX	5.24	107.4	1,337	18.7
SFC	HOSE	9.10	(14.0)	-	-
CAP	HNX	6.75	82.0	-	-

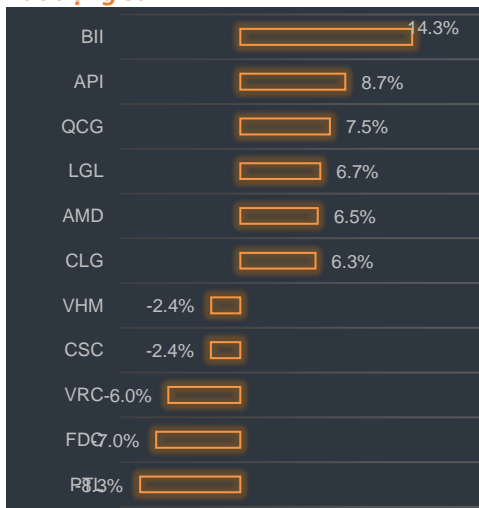
# Tăng giảm ngành trong ngày



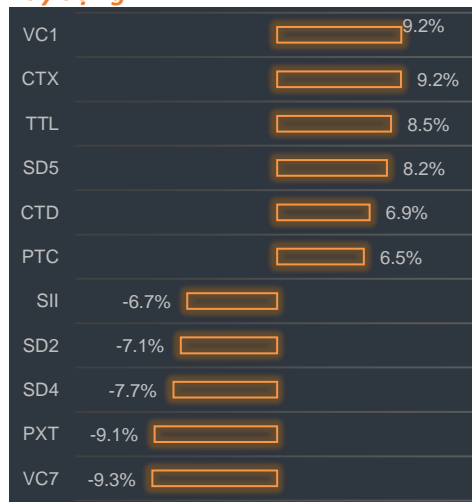
## Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

<b>Bất động sản:</b>	BII, API, QCG
<b>Xây dựng:</b>	VC1, CTX, TTL
<b>Dầu khí:</b>	HTC, SFC, CNG
<b>Chứng khoán:</b>	SBS, APS, AGR
<b>Ngân hàng:</b>	VPB, TCB, NVB

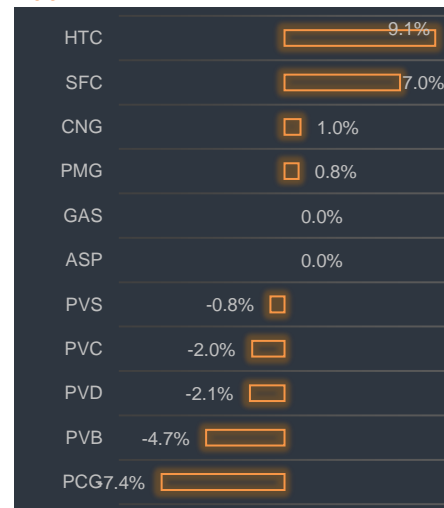
### Bất động sản



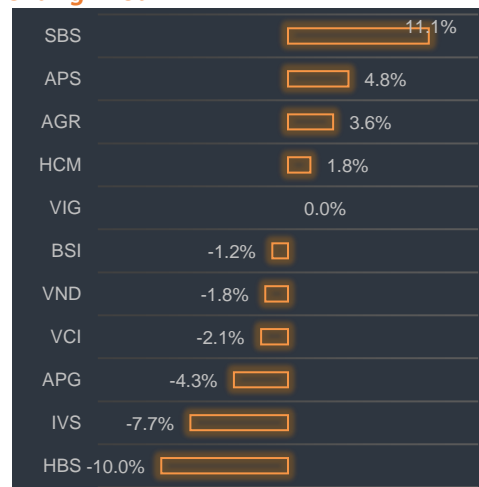
### Xây dựng



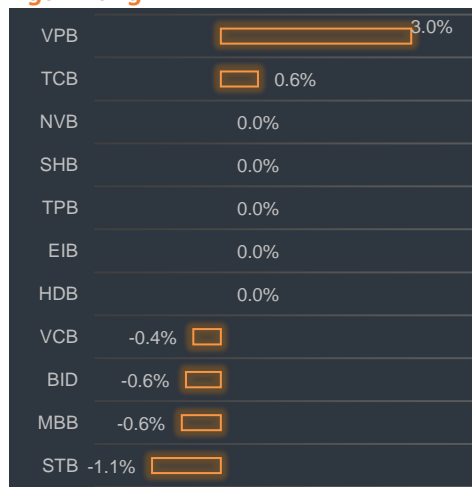
### Dầu khí



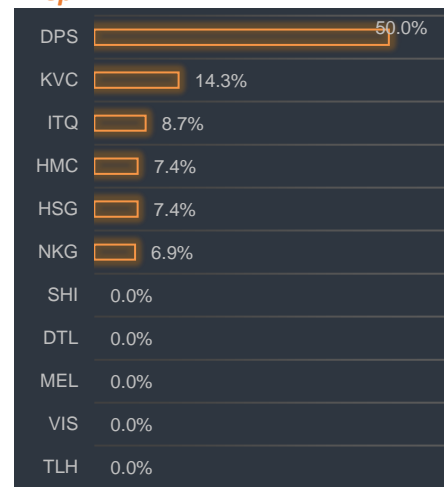
### Chứng khoán



### Ngân hàng



### Thép







## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh

Tel: 0983.999.350

khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931